

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KON TUM

Số: 07 /2017/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kon Tum, ngày 15 tháng 02 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 01/2015/QĐ-UBND ngày 12 tháng 01 năm 2015 và Quyết định số 31/2016/QĐ-UBND ngày 28 tháng 7 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum

U.B.N.D. HUYỆN NGỌC HỒI

ĐẾN Số.....
Ngày.....

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KONTUM

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giá số 11/2012/QH13 ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá; Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ; Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 3440/TTr-STC ngày 30 tháng 12 năm 2016.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định kèm theo Quyết định số 01/2015/QĐ-UBND ngày 12 tháng 01 năm 2015 và Quyết định số 31/2016/QĐ-UBND ngày 28 tháng 7 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành quy định một số nội dung về quản lý giá trên địa bàn tỉnh Kon Tum, cụ thể như sau:

1. Điều 3 của Quy định kèm theo Quyết định số 01/2015/QĐ-UBND ngày 12 tháng 01 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh được bổ sung như sau:

“17. Giá cụ thể đối với sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi do địa phương quản lý:

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn căn cứ mức giá tối đa của Bộ Tài chính ban hành, chủ trì phối hợp với các đơn vị có liên quan xây dựng phương án giá trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định sau khi có ý kiến thẩm định bằng văn bản của Sở Tài chính.

18. Giá cụ thể đối với dịch vụ đo đạc, lập bản đồ địa chính trong trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất mới hoặc cho phép thực

hiện việc chuyển mục đích sử dụng đất ở những nơi chưa có bản đồ địa chính có tọa độ:

Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì phối hợp với các đơn vị có liên quan xây dựng phương án giá trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định sau khi có ý kiến thẩm định bằng văn bản của Sở Tài chính.

19. Giá cụ thể đối với dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ và dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước:

Đơn vị cung ứng dịch vụ xây dựng phương án giá trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định sau khi có ý kiến thẩm định của Sở chuyên ngành về khối lượng, định mức, tiêu chuẩn kỹ thuật và ý kiến thẩm định bằng văn bản của Sở Tài chính.

20. Giá tối đa đối với: Dịch vụ sử dụng đường bộ do địa phương quản lý các dự án đầu tư xây dựng đường bộ để kinh doanh; dịch vụ sử dụng đò, phà được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý; dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ, dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước; dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước; dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước:

Đơn vị cung ứng dịch vụ xây dựng phương án giá trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định sau khi có ý kiến thẩm định của Sở chuyên ngành về khối lượng, định mức, tiêu chuẩn kỹ thuật và ý kiến thẩm định bằng văn bản của Sở Tài chính”.

2. Khoản 2, khoản 3 Điều 11 của Quy định kèm theo Quyết định số 01/2015/QĐ-UBND ngày 12 tháng 01 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh được sửa đổi, bổ sung như sau:

“2. Đối tượng thực hiện đăng ký giá

Tổ chức, cá nhân (bao gồm cả các đại lý có quyền quyết định giá, điều chỉnh giá) có trụ sở chính trên địa bàn tỉnh Kon Tum mà không có tên trong danh sách thực hiện đăng ký giá tại Trung ương, không có tên trong văn bản hướng dẫn riêng về việc đăng ký giá của Bộ quản lý chuyên ngành theo thẩm quyền.

Tổ chức, cá nhân là chi nhánh, đại lý không có quyền quyết định giá, điều chỉnh giá (ký hợp đồng phân phối trực tiếp với nhà cung cấp và mua, bán hàng hóa, dịch vụ theo giá do nhà cung cấp quyết định) không phải đăng ký giá nhưng có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản gửi Sở Tài chính tỉnh Kon Tum nơi chi nhánh, đại lý đặt trụ sở chính về việc chi nhánh, đại lý không có quyền quyết định giá, điều chỉnh giá; cung cấp thông tin về mức giá của nhà cung cấp cho Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân cấp huyện, thành phố sau khi nhận được quyết định hoặc thông báo điều chỉnh giá của nhà cung cấp và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác của việc cung cấp thông tin đó.

3. Cơ quan tiếp nhận biểu mẫu đăng ký giá

a) Sở Tài chính tiếp nhận, rà soát biểu mẫu đăng ký giá đối với hàng hóa, dịch vụ của các tổ chức sản xuất, kinh doanh do cấp tỉnh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) quy định tại điểm a, b, c, d, đ, e, g, i, k khoản 1 Điều 3 Nghị định số

177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Sở Công Thương tiếp nhận, rà soát biểu mẫu đăng ký giá đối với hàng hóa, dịch vụ của các tổ chức sản xuất, kinh doanh do cấp tỉnh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư (*đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh*) quy định tại điểm h khoản 1 Điều 3 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh.

c) Sở Y tế tiếp nhận, rà soát biểu mẫu đăng ký giá đối với hàng hóa, dịch vụ của các tổ chức sản xuất, kinh doanh do cấp tỉnh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư (*đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh*) quy định tại điểm l khoản 1 Điều 3 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh.

d) Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tiếp nhận, rà soát biểu mẫu đăng ký giá đối với hàng hóa, dịch vụ (*của các cá nhân sản xuất, kinh doanh do cấp huyện cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh*) quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố”.

3. Điều 14 của Quy định kèm theo Quyết định số 01/2015/QĐ-UBND ngày 12 tháng 01 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 14. Quyền hạn và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong tổ chức thực hiện đăng ký giá

Thực hiện theo quy định tại Điều 7 Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ và khoản 3 Điều 1 Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính”.

4. Điều 15 của Quy định kèm theo Quyết định số 01/2015/QĐ-UBND ngày 12 tháng 01 năm 2015 và khoản 3 Điều 1 Quyết định số 31/2016 ngày 28 tháng 7 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh được sửa đổi như sau:

“1. Hàng hóa, dịch vụ thuộc diện kê khai giá bao gồm

Hàng hóa, dịch vụ quy định tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá và dịch vụ cho thuê mặt bằng trong bến xe.

2. Đối tượng kê khai giá

Tổ chức, cá nhân (*bao gồm cả các đại lý có quyền quyết định giá, điều chỉnh giá*) có trụ sở chính trên địa bàn tỉnh Kon Tum mà không có tên trong danh sách thực hiện kê khai giá tại trung ương, không có tên trong văn bản hướng dẫn riêng

về việc kê khai giá của Bộ quản lý chuyên ngành theo thẩm quyền.

Tổ chức, cá nhân là chi nhánh, đại lý không có quyền quyết định giá, điều chỉnh giá (*ký hợp đồng phân phối trực tiếp với nhà cung cấp và mua, bán hàng hóa, dịch vụ theo giá do nhà cung cấp quyết định*) không phải kê khai giá nhưng có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản gửi Sở Tài chính địa phương nơi chi nhánh, đại lý đặt trụ sở chính về việc chi nhánh, đại lý không có quyền quyết định giá, điều chỉnh giá; cung cấp thông tin về mức giá của nhà cung cấp cho Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân cấp huyện, thành phố sau khi nhận được quyết định hoặc thông báo điều chỉnh giá của nhà cung cấp và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác của việc cung cấp thông tin đó”.

3. Cơ quan tiếp nhận biểu mẫu kê khai giá

a) Sở Tài chính tiếp nhận văn bản kê khai giá đối với hàng hóa, dịch vụ của các tổ chức sản xuất, kinh doanh do cấp tỉnh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư (*đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh*) quy định tại điểm b, c, d, đ, e, h, i, o khoản 9 Điều 1 Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Sở Công Thương tiếp nhận văn bản kê khai giá đối với hàng hóa, dịch vụ của các tổ chức sản xuất, kinh doanh do cấp tỉnh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư (*đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh*) quy định tại điểm n khoản 9 Điều 1 Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh.

c) Sở Giao thông vận tải tiếp nhận văn bản kê khai giá đối với hàng hóa, dịch vụ của các tổ chức sản xuất, kinh doanh do cấp tỉnh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư (*đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh*) quy định tại điểm g, k, m khoản 9 Điều 1 Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ và danh mục dịch vụ được quy định tại Khoản 3 Điều 1 Quyết định số 31/2016/QĐ-UBND ngày 28 tháng 7 năm 2016 thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh.

d) Sở Y tế tiếp nhận văn bản kê khai giá đối với hàng hóa, dịch vụ của các tổ chức sản xuất, kinh doanh do cấp tỉnh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư (*đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh*) quy định tại điểm l khoản 9 Điều 1 Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh.

đ) Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tiếp nhận văn bản kê khai giá đối với hàng hóa, dịch vụ (*của các cá nhân sản xuất, kinh doanh do cấp huyện cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh*) quy định tại điểm b, c, d, đ, e, g, h, i, k, l, m, n, o khoản 9

Điều 1 Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.”

5. Điều 16 của Quy định kèm theo Quyết định số 01/2015/QĐ-UBND ngày 12 tháng 01 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 16. Cách thức thực hiện kê khai giá

Thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 1 Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá”.

6. Điều 18 của Quy định kèm theo Quyết định số 01/2015/QĐ-UBND ngày 12 tháng 01 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 18. Quyền hạn và trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trong thực hiện kê khai giá.

Thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều 1 Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá”.

7. Đối với danh mục các dịch vụ chuyển từ phí sang cơ chế giá thời gian thực hiện theo quy định của Luật Phí và Lệ phí.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 02 năm 2017.

Điều 3. Thủ trưởng các Sở, ban ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Bộ Tài chính (b/c);
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- TT Tỉnh ủy (b/c);
- TT HĐND tỉnh (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- HĐND các huyện, thành phố;
- Báo Kon Tum;
- Đài Phát thanh Truyền hình;
- Chi cục Văn thư- Lưu trữ tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Công báo tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử;
- Lưu: VT- KT4, HTKT, NC *ho*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Hòa